

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HS-PT

Ngày: 28 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải.

Các Thẩm phán: Bà Lê Hoài Thủy và bà Hoàng Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:112/2026/TLPT-HS ngày 13/8/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXPT-HS ngày 28/8/2026, đối với:

Bị cáo: Phạm Ngọc L, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1992, tại tỉnh Quảng Trị; số thẻ CCCD: 044092000560, cấp ngày 20/2/2022; nơi thường trú: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; có vợ: Nguyễn Thị S1, sinh năm 1997 hiện đang xuất khẩu lao động tại nước Singapore và có 02 người con: lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 08/5/2025 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trung S2 - Trung tâm tư vấn pháp luật, Đoàn luật sư tỉnh Q, vắng mặt. Tại phiên tòa bị cáo từ chối Luật sư.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Tiến L1, sinh năm 1985; số thẻ CCCD: 044085002048, cấp ngày 08/01/2025; địa chỉ: thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993; số thẻ CCCD: 042093014687, cấp ngày 14/9/2024; địa chỉ: Thôn C P, xã P, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn P, sinh năm 1970; địa chỉ: TDP H, xã P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Anh Phạm Khắc G, sinh năm 1962; địa chỉ: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Anh Phạm Thanh T1, sinh năm 1999; địa chỉ: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1994; địa chỉ: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 03 năm 2022, anh Nguyễn Tiến L1, anh Nguyễn Tuấn A và anh Trần Văn P cùng nhau góp vốn mua thửa đất số 480, tờ bản đồ số 19; địa chỉ: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị của ông Phạm Khắc G, với số tiền 4.300.000.000 đồng nhằm mục đích tách thửa, chuyển nhượng kiếm lợi nhuận. Việc góp vốn được các bên lập thành “Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh” ngày 08/3/2022, thống nhất chia số tiền góp vốn thành 03 phần bằng nhau, gồm: Nguyễn Tiến L1 góp 1/3, Nguyễn Tuấn A góp 1/3, Trần Văn P góp 1/3, tương ứng mỗi phần góp vốn 1.433.000.000 đồng, lợi nhuận sau khi chuyển nhượng các thửa đất được chia theo tỷ lệ góp vốn. Đối với phần góp vốn của Trần Văn P, các bên thống nhất để Phạm Ngọc L tham gia góp vốn và hưởng lợi nhuận, P chỉ đứng tên trên hợp đồng góp vốn. Cuối năm 2022, sau khi hoàn tất việc tách thửa, thửa đất trên được chia thành 06 thửa đất liền kề. Các bên thống nhất việc giao đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Nguyễn Tiến L1 đứng tên 02 thửa, Phạm Ngọc L và vợ là Nguyễn Thị S1 đứng tên 01 thửa, Phạm Khắc G đứng tên 03 thửa để thuận tiện cho việc chuyển nhượng và bảo đảm nghĩa vụ thanh toán tiền mua đất còn lại cho ông G do tại thời điểm này nhóm góp vốn chưa thanh toán đủ tiền. Sau khi chuyển nhượng được 05/06 thửa đất, còn lại thửa đất số 275, tờ bản đồ số 91, địa chỉ: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị do Phạm Ngọc L đứng tên, nhưng quyền sở hữu thực tế thuộc nhóm góp vốn gồm Nguyễn Tiến L1, Nguyễn Tuấn A và Phạm Ngọc L theo thỏa thuận góp vốn ban đầu.

Ngày 14/12/2022, Phạm Ngọc L sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 275, tờ bản đồ số 91 thế chấp tại Ngân hàng B - Chi nhánh Đ để vay số tiền 700.000.000 đồng và sử dụng vào mục đích cá nhân mà không được sự đồng ý của các thành viên góp vốn. Sau khi phát hiện sự việc, ngày 10/6/2023, tại TDP H, xã P, tỉnh Quảng Trị, các bên gồm anh L1, anh Tuấn A, anh P và L lập biên bản làm việc số 05/BBLV để xử lý việc L tự ý thế chấp tài sản khi chưa được sự đồng ý của các bên. Nội dung biên bản xác định sau khi chốt trừ các khoản thu, chi từ việc chuyển nhượng các thửa đất trước đó, Phạm Ngọc L còn dư 168.000.000 đồng và có trách nhiệm nộp lại 532.000.000 đồng để giải chấp, nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng. Trong số tiền này, anh Trần Văn P nhận thanh toán thay 270.000.000 đồng (quan hệ vay mượn cá nhân giữa anh P và L), số tiền còn lại 262.000.000 đồng do L chịu trách nhiệm. Ngày 01/8/2023, L thực hiện việc giải chấp, nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao cho anh Nguyễn Tiến L1 quản lý, cất giữ nhằm mục đích tiếp tục tìm người chuyển nhượng và chia lợi nhuận theo thỏa thuận góp vốn.

Tháng 9/2023, do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B (cũ) làm thủ tục khai báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 275, tờ bản đồ số 91 mà anh L1 đang cất giữ, với mục đích để được cấp lại giấy chứng nhận mới nhằm toàn quyền định đoạt đối với thửa đất này. Ngày 16/01/2024, L được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Do bản thân có nợ xấu tại ngân hàng không thể trực tiếp vay vốn, nên L làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 275, tờ bản đồ số 91 cho em trai là Phạm Thanh T1 và nhờ T1 dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp tại Ngân hàng TMCP V (V1) - Chi nhánh H để vay số tiền 945.000.000 đồng cho L sử dụng vào mục đích cá nhân và được T1 đồng ý thực hiện.

Ngày 22/04/2025, Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Bình (cũ) đã có kết luận: giá trị thửa đất 275, tờ bản đồ số 91, địa chỉ: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 850.000.000 đồng.

Ngày 27/02/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q (cũ) có Quyết định trưng cầu giám định số 197/QĐ-CSHS về việc giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tiến L1, Phạm Ngọc L, Nguyễn Tuấn A và Trần Văn P trên các tài liệu thu thập được. Bản kết luận giám định số 212/KL-KTHS, ngày 24/03/2025 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Q (cũ), kết luận:

Chữ ký đứng tên Nguyễn Tiến L1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Tiến L1 dưới mục "NGƯỜI KHAI" trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 và dưới mục "NGƯỜI TỰ KHAI/NGƯỜI TUỒNG TRÌNH" trên mẫu so sánh ký hiệu M2, M4 là do cùng một người ký ra.

Chữ viết "Nguyễn Tiến L1" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết "Nguyễn Tiến L1" dưới mục "NGƯỜI KHAI" trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 và dưới mục "NGƯỜI TỰ KHAI/NGƯỜI TUỒNG TRÌNH" trên mẫu so sánh ký hiệu M2, M4 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký dạng chữ viết "L", chữ viết "Phạm Ngọc L" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký dạng chữ viết "Lâm", chữ viết "Phạm Ngọc L" dưới mục "NGƯỜI KHAI" trên mẫu so sánh ký hiệu M5, M17 và dưới mục "NGƯỜI TỰ KHAI/NGƯỜI TUỒNG TRÌNH" trên mẫu so sánh ký hiệu M6, M8 là do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Nguyễn Tuấn A trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Tuấn A dưới mục "NGƯỜI KHAI" trên mẫu so sánh ký hiệu M9, M11 và dưới mục "NGƯỜI TỰ KHAI/NGƯỜI TUỒNG TRÌNH" trên mẫu so sánh ký hiệu M10, M12 là do cùng một người ký ra.

Chữ viết "Nguyễn Tuấn A" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết "Nguyễn Tuấn A" dưới mục "NGƯỜI KHAI" trên mẫu so sánh ký hiệu M9, M11 và dưới mục "NGƯỜI TỰ KHAI/NGƯỜI TUỒNG TRÌNH" trên mẫu so sánh ký hiệu M10, M12 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký dạng chữ viết "P", chữ viết "Trần Văn P" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký dạng chữ viết "Phương" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký dạng chữ viết "P", chữ viết "Trần Văn P" dưới mục "NGƯỜI KHAI" trên mẫu so sánh ký hiệu M13, M15 và dưới mục "NGƯỜI

TỰ KHAI/NGƯỜI TƯỜNG TRÌNH" trên mẫu so sánh ký hiệu M14, M16 là do cùng một người ký, viết ra.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DI 820374 mang tên Phạm Ngọc L và Nguyễn Thị S1 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (cũ) cấp ngày 29/11/2022, số vào sổ cấp GCN CS07182; 01 (một) Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh lập ngày 08/03/2022 tại TDP H, TT P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ); 01 (một) Biên bản làm việc số 05/BBLV ngày 10/06/2023 tại TDP H, TT P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ); 01 (một) Hợp đồng mua đất (v/v chuyển nhượng quyền sử dụng đất) ngày 30/6/2023 tại TT P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ).

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Ngọc L đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả đầy đủ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại. Các bị hại không còn yêu cầu gì và có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã quyết định.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 4 Điều 175, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung;

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/3/2026, bị cáo Phạm Ngọc L có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét vụ án có nhiều người liên quan cùng góp vốn hưởng lợi, nhưng sau khi sự việc xảy ra chỉ có một mình bị cáo bị điều tra, xét xử. Bản thân bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có công cứu người đuối nước và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, đề nghị xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nhằm đánh giá hành vi một cách khách quan, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bởi vì mức án 10 năm tù là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Ngọc L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và Bản án sơ thẩm đã quyết định. Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 10 năm tù là quá nặng và cung cấp thêm đơn xin giảm nhẹ hình phạt và các đơn của các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới gia đình bị cáo có *hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vợ đi làm ăn xa, hai con còn nhỏ, bố mẹ già yếu bệnh tật, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận; các bị hại có đơn tha thiết đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hành động cứu người đuối nước nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo.* Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS - ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà tự giác cải tạo, giáo dục, rèn luyện tốt, sớm hòa nhập cộng đồng, giúp đỡ gia đình. Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và ý kiến của những người tham gia tố tụng có mặt đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 14/3/2026, bị cáo Phạm Ngọc L có đơn kháng cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị. Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo về người kháng cáo, thời hạn, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt, nhưng đây là phiên tòa lần hai những người này vắng mặt không có lý do. Trong hồ sơ vụ án đã có ý kiến của những người này nên thấy cần thiết có thể công khai tại phiên tòa. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quyết định. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Cuối năm 2022, bị cáo Phạm Ngọc L cùng các anh Nguyễn Tiến L1, anh Nguyễn Tuấn A mỗi người góp 1/3 tiền vốn mua đất để tách thửa bán kiếm lời. Sau khi tách thửa nên mọi người tin tưởng giao

cho bị cáo đứng tên trên 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 275, tờ bản đồ số 91; địa chỉ: TDP P, xã P, tỉnh Quảng Trị. Bị cáo biết rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo, nhưng đây là tài sản chung hình thành từ việc góp vốn của bị cáo, các anh Tuấn A, Ngọc L mỗi người 1/3 giá trị thửa đất và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L1 quản lý, cất giữ, nhưng do cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân nên bị cáo dùng thủ đoạn gian dối báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Sau khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo làm Hợp đồng tặng cho em trai đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, rồi nhờ em trai thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng để chiếm đoạt số tiền của anh Tuấn A và anh L1, với số tiền 566.666.666 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân mà không được sự đồng ý của các đồng sở hữu là anh L1 và anh Tuấn A. Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên nhận thức và biết được việc dùng thủ đoạn gian dối để chuyển dịch tài sản của người khác thành tài sản mình để chiếm đoạt là vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, rồi nhờ người thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, bức xúc và hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, nên Hội đồng

ng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 54 và Điều 38 BLHS để xử phạt bị cáo 10 năm tù. Tuy nhiên, bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 566.666.666 đồng là mức khởi điểm của khoản 4 Điều 175 BLHS, nhưng bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại; các bị hại có ý kiến xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 10 năm tù là có phần nghiêm khắc so với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình thêm giấy xác nhận của chính quyền địa phương gia đình có *hoàn cảnh đặc biệt khó khăn*, *vợ đi làm ăn xa*, *hai con còn nhỏ*, *bố mẹ già yếu bệnh tật*, bị cáo là *lao động chính trong gia đình*; các bị hại có đơn và ý kiến *khẩn cầu tha thiết đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*, nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước mà tự giác cải tạo, giáo dục bản thân sớm hòa nhập cộng đồng và giúp đỡ gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc

thẩm chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc L, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 06/7/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, về phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc L, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, về phần hình phạt đối với bị cáo.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 07 (Bảy) năm 06 (S3) tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Ngọc L không phải chịu.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKS Tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND Khu vực 1;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Q Trị;
- Bị cáo; người TGT;
- Lưu VP; HSA.

(Đã Ký)

Dương Viết Hải